

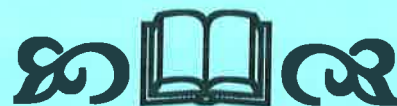


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **Quý 2 Năm 2018**



**Ngày 30 tháng 06 năm 2018**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 2 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.448.149.769.353</b>	<b>1.389.450.919.118</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	53.315.704.764	30.223.894.915
1. Tiền	111		3.315.704.764	423.894.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	29.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.152.956.553	16.705.346.085
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b.1	17.152.956.553	16.705.346.085
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.328.649.470.761	1.274.365.020.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	28.529.820.213	30.624.107.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4b	2.722.146.150	5.631.024.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4c	169.250.413.140	181.108.101.513
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	1.133.225.008.031	1.062.079.704.136
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(5.077.916.773)	(5.077.916.773)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	46.309.618.774	64.408.592.086
1. Hàng tồn kho	141		46.309.618.774	65.036.199.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.722.018.501	3.748.065.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a1	32.510.270	86.204.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13a2	1.120.832.924	2.046.600.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	1.568.675.307	1.615.260.474
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.452.073.291.760</b>	<b>2.442.374.633.510</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		340.196.958.186	330.306.742.988
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4d	269.425.250.000	269.425.250.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		70.771.708.186	60.881.492.988
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.986.747.518	2.178.304.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.979.255.543	2.168.312.489
- Nguyên giá	222		3.112.044.571	3.112.044.571
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.132.789.028)	(943.732.082)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	7.491.975	9.991.977
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(42.508.025)	(40.008.023)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.391.222.931</b>	<b>1.391.222.931</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8b	1.391.222.931	1.391.222.931
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.108.498.363.125</b>	<b>2.108.498.363.125</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	2c.1	1.954.014.883.125	1.954.014.883.125
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2c.2	154.483.480.000	154.483.480.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2a.1	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	2a.1a	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b.2	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b1	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

1	2	3	4	4
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.639.576.745.148</b>	<b>1.610.859.940.880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.286.293.176.223</b>	<b>1.240.826.151.455</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.115.036.235	19.897.607.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19c	6.712.089.378	8.802.866.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	22.288.890	109.331.311
4. Phải trả người lao động	314		-	227.400.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18a	4.754.499.598	5.946.666.183
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20a	-	246.199.004
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	296.271.406.676	48.929.975.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15a	969.610.230.000	1.155.173.730.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25e.2	807.625.446	1.492.375.446
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>353.283.568.925</b>	<b>370.033.789.425</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19b	-	252.220.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15b	353.283.568.925	369.781.568.925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.260.646.315.965</b>	<b>2.220.965.611.748</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.260.646.315.965</b>	<b>2.220.965.611.748</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25a1	1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25a2	3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2a.2	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25e.1	44.860.510.378	44.860.510.378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25a	283.580.407.491	243.899.703.274
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		243.899.703.274	50.067.479.989
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.680.704.217	193.832.223.285
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

Số 1/2018

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

Phạm Thế Chính

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý 2 năm 2018**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.088.025.736	26.650.463.455	21.945.327.808	29.499.679.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		419.779.847	-	419.779.847	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		1.668.245.889	26.650.463.455	21.525.547.961	29.499.679.798
4. Giá vốn hàng bán	11		549.966.860	25.502.101.777	20.112.625.585	27.256.165.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		1.118.279.029	1.148.361.678	1.412.922.376	2.243.514.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		63.843.748.151	76.042.230.252	110.243.996.841	98.452.115.986
7. Chi phí tài chính	22		34.352.584.066	42.664.678.844	69.045.020.503	61.142.573.768
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.352.584.066	27.202.109.767	69.045.020.503	45.679.994.413
8. Chi phí bán hàng	25		65.700.000	183.234.500	65.700.000	183.234.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.791.957.733	1.748.940.115	3.473.958.940	3.388.864.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (25+26)]	30		28.751.785.381	32.593.738.471	39.072.239.774	35.980.957.409
11. Thu nhập khác	31		682.158.462	120.000.000	802.158.462	160.000.000
12. Chi phí khác	32		90.581.497	87.086.031	193.694.019	127.494.953
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		591.576.965	32.913.969	608.464.443	32.505.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		29.343.362.346	32.626.652.440	39.680.704.217	36.013.462.456
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60 = 50 - 51 - 52 )	60		29.343.362.346	32.626.652.440	39.680.704.217	36.013.462.456
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		151	168	204	185
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.680.704.217	352.946.285.916
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		191.556.948	250.271.361
- Các khoản dự phòng	03		-	1.710.092
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(39.599)	(210.738)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(110.243.957.242)	(411.426.455.738)
- Chi phí lãi vay	06		69.045.020.503	55.743.546.571
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.326.715.173)	(2.484.852.536)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.154.665.606	20.153.122.925
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.403.218.837	5.251.940.063
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(32.897.325.851)	(277.139.150.805)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		53.693.921	35.244.593
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29.570.773.429)	(57.002.566.497)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(77.234.530)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(936.970.500)	(111.480.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(40.120.206.589)</b>	<b>(311.374.976.787)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(538.760.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.285.000.000)	(426.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.926.993.893	339.995.656.589
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(25.710.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		113.112.960.000	303.367.670.000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.041.522.946	159.058.947.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		214.796.476.839	349.773.513.494
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	704.556.192.197
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(151.584.500.000)	(508.129.841.947)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(239.139.908.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(151.584.500.000)	(42.713.558.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		23.091.770.250	(4.315.021.643)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.223.894.915	6.719.447.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39.599	210.738
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		53.315.704.764	2.404.636.811

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng tóm lược)

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

DVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>1.448.149.769.353</b>	<b>1.389.450.919.118</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		53.315.704.764	30.223.894.915
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.152.956.553	16.705.346.085
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.328.649.470.761	1.274.365.020.433
4. Hàng tồn kho	140		46.309.618.774	64.408.592.086
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.722.018.501	3.748.065.599
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>2.452.073.291.760</b>	<b>2.442.374.633.510</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		340.196.958.186	330.306.742.988
2. Tài sản cố định	220		1.986.747.518	2.178.304.466
3. Bất động sản đầu tư	240		1.391.222.931	1.391.222.931
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.108.498.363.125	2.108.498.363.125
5. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>1.639.576.745.148</b>	<b>1.610.859.940.880</b>
1. Nợ ngắn hạn	310		1.286.293.176.223	1.240.826.151.455
2. Nợ dài hạn	330		353.283.568.925	370.033.789.425
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>2.260.646.315.965</b>	<b>2.220.965.611.748</b>
1. Vốn chủ sở hữu	410		2.260.646.315.965	2.220.965.611.748
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	440		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

Phạm Thế Chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng tóm lược)

Quý 2 năm 2018

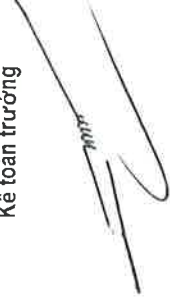
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm		ĐVT: đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
			4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.088.025.736	26.650.463.455	21.945.327.808	29.499.679.798	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		419.779.847	-	419.779.847	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.668.245.889	26.650.463.455	21.525.547.961	29.499.679.798	
4. Giá vốn hàng bán	11		549.966.860	25.502.101.777	20.112.625.585	27.256.165.164	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.118.279.029	1.148.361.678	1.412.922.376	2.243.514.634	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		63.843.748.151	76.042.230.252	110.243.996.841	98.452.115.986	
7. Chi phí tài chính	22		34.352.584.066	42.664.678.844	69.045.020.503	61.142.573.768	
8. Chi phí bán hàng	25		65.700.000	183.234.500	65.700.000	183.234.500	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.791.957.733	1.748.940.115	3.473.958.940	3.388.864.943	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.751.785.381	32.593.738.471	39.072.239.774	35.980.957.409	
11. Thu nhập khác	31		682.158.462	120.000.000	802.158.462	160.000.000	
12. Chi phí khác	32		90.581.497	87.086.031	193.694.019	127.494.953	
13. Lợi nhuận khác	40		591.576.965	32.913.969	608.464.443	32.505.047	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.343.362.346	32.626.652.440	39.680.704.217	36.013.462.456	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.343.362.346	32.626.652.440	39.680.704.217	36.013.462.456	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		151	168	204	185	

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Ngày 06/04/2018 Công ty thay đổi người đại diện pháp luật là Ông Phạm Thế Chính. Các thông tin khác không đổi.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư -TM -DV -XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; XD công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;

- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện đầu tư vào (08) tám công ty con và 02 công ty liên doanh, liên kết bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác.

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	89,98%	285.599.341.399	
2/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51,00%	51,00%	258.876.000.000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	300.659.554.167	
4/ Công ty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	100,00%	100,00%	430.425.833.333	
5/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	335.996.028.454	
6/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	51,75%	51,24%	246.458.125.772	
7/ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	99,99%	99,99%	96.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>xxx</b>	<b>xxx</b>	<b>1.954.014.883.125</b>	

- Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG	99,99%	99,99%	Tỉnh Bình Dương
<b>Cộng</b>	<b>xxx</b>	<b>xxx</b>	

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10,00%	10,00%	154.483.480.000	
<b>Cộng</b>	xxx	xxx	<b>154.483.480.000</b>	

- Công ty liên kết đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	45,00%	45,00%	Tỉnh Bình Dương
<b>Cộng</b>	xxx	xxx	

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

### b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **c) Các khoản cho vay;**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;**

##### **- Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### **- Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

##### **- Đầu tư vào công ty liên kết;**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### **đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định.

#### **e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.**

### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- + Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- + Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- + Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- + Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

#### 9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

#### 10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

#### 11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn, dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch, mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

- + Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.
- + Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

#### 18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

#### 19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
- + Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- + Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.
- + Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.



+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ lại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

## 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

### - Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

### - Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### - Doanh thu hoạt động tài chính;

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+ Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### - Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

### - Thu nhập khác

## 21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

## 22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## 23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế

## 26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.315.704.764	423.894.915
- Tiền đang chuyển	50.000.000.000	29.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.315.704.764</b>	<b>30.223.894.915</b>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1) Ngắn hạn</b>	<b>17.152.956.553</b>	<b>17.152.956.553</b>	<b>16.705.346.085</b>	<b>16.705.346.085</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.152.956.553	17.152.956.553	16.705.346.085	16.705.346.085
...				
<b>b.2) Dài hạn</b>	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác				
<b>Cộng</b>	<b>17.152.956.553</b>	<b>17.152.956.553</b>	<b>16.705.346.085</b>	<b>16.705.346.085</b>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
<b>- Đầu tư vào công ty con</b>		<b>1.954.014.883.125</b>		<b>1.954.014.883.125</b>
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	89,98%	285.599.341.399	89,98%	285.599.341.399
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51,00%	258.876.000.000	51,00%	258.876.000.000
+ Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	300.659.554.167	99,99%	300.659.554.167
+ Cty CP Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	335.996.028.454	99,99%	335.996.028.454
+ Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100,00%	430.425.833.333	100,00%	430.425.833.333
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phát triển Cầu đường CII	99,99%	96.000.000.000	99,99%	96.000.000.000
+ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	51,75%	246.458.125.772	51,75%	246.458.125.772
...				
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;</b>		<b>154.483.480.000</b>		<b>154.483.480.000</b>
+ Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10,00%	154.483.480.000	10,00%	154.483.480.000
...		-		-
<b>Cộng</b>		<b>2.108.498.363.125</b>		<b>2.108.498.363.125</b>

\* Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

**a/ Đầu tư vào công ty con**

- + Cty CP XD Cầu Sài Gòn với hoạt động chính Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn;
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với Dự án Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội;
- + Cty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
- + Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)- Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
- + Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
- + Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với hoạt động chính là Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
- + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với hoạt động Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường

**b/ Công ty liên doanh, liên kết;**

- + Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận với Dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.
- + Công ty TNHH Dịch vụ MCSC là công ty liên kết ( đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình): Cung cấp dịch vụ thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ hạ tầng khác.

\* Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

a/ Đầu tư vào công ty con

b/ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>26.222.980.955</b>	<b>26.465.913.532</b>
- Cty XD số 9 - Cty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
- Thầu thiết kế &XD tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi-Vành Đai Ngoài	2.909.750.000	2.909.750.000
- Cty CPĐTPT Cường Thuận IDICO	2.824.178.378	2.824.178.378
- Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	1.321.079.368
- Công Ty 7/5 - Quận Khu 7	1.217.062.314	1.217.062.314
- Cty CP XD CTGT Thái Sơn	1.018.100.000	1.018.100.000
- Cty CP Đầu tư Long Biên	807.913.550	807.913.550
-Cty CP ĐT và XD số 17 Thăng Long	796.272.960	796.272.960
- LD Cty Trường Sơn - Tây Bắc	669.898.000	669.898.000
- Cty CP XD số 14	620.995.000	620.995.000
- Cty CP ĐT XD Phú Mỹ - PMC	589.927.000	589.927.000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2.968.164.423	-
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2	537.670.000	3.041.100.000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4	566.792.000	566.792.000
- Cty Hoàng Mai	551.542.723	551.542.723
- Cty TNHH MTV thoát nước Đô Thị	546.339.201	546.339.201
- Công ty CP ĐTXD Lương Tài	511.025.200	511.025.200
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.021.567.071	4.729.234.071
	-	-
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.306.839.258</b>	<b>4.158.193.575</b>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	-	1.830.943.576
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	78.791.541	324.990.000
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.290.345.194	1.064.557.476
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.529.820.213</b>	<b>30.624.107.107</b>

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.133.225.008.031</b>	<b>-</b>	<b>1.062.079.704.136</b>	<b>-</b>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	443.876.766.749	-	423.465.873.476	-
+ Công ty CP Đầu tư & Xây dựng XLHN	169.942.699.077	-	137.192.342.355	-
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	174.553.257.385	-	180.613.229.983	-
+ Cty TNHH MTV BOT ĐT và XD Ninh Thuận	45.945.277.905	-	45.945.277.905	-
+ Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	53.435.532.382	-	59.715.023.233	-
- Phải thu người lao động;	-	-	-	-
- Ký quỹ Viễn thông,taxi, thuê máy photo;	14.000.000	-	9.000.000	-
- Ký quỹ Cty Tuấn Lộc mua cổ phần Cty Cổ Chiên	96.000.000.000	-	-	-
- Cho mượn (tạm ứng);	122.274.000	-	87.274.000	-
- Các khoản chi hộ;	100.890.713	-	63.173.713	-
+ Metro Pacific Tollways Corporation	84.568.000	-	46.851.000	-
+ Nộp hộ chi phí cấp Sổ hồng căn hộ	16.322.713	-	16.322.713	-
	-	-	-	-



- Phải thu khác.	593.111.076.569		638.454.382.947
+ Cty Đầu tư HTKT Tp HCM (CII)- Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án Cầu rạch Chiếc	70.909.122.796		101.642.247.273
+ Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận - (lãi cho vay phải thu)	310.333.333		206.072.222
+ Lãi tiền gửi phải thu	258.272.059		91.730.880
+ Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên - (lãi cho vay phải thu)	20.699.791		-
+ Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cáo tốc TL-MT	505.867.252.746		481.432.609.768
+ Công ty CP Hoàng An - Dự án Cáo tốc TL-MT	2.164.201.375		52.420.364.500
+ Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận- góp vốn	10.310.000.000		-
+ Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII - tiền mượn	658.355.000		655.355.000
+ Lệ phí Tòa án	12.217.526		12.217.526
+ Đặt cọc thuê VP	60.000.000		60.000.000
+ BQL Dự án	52.523.488		52.523.488
+ Phải thu nhận bàn giao từ CTY TNHH MTV CK điện LG	283.640.353		283.640.353
+ Phải thu khoản Nộp 1% đảm bảo các công trình chờ QT	455.871.841		377.543.841
+ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu - Phụ cấp HDTV	100.000.000		100.000.000
+ Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)- Phải thu về lãi cho vay	1.648.586.261		1.120.078.096
...			
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>	<b>527.813.164.139</b>		<b>527.189.626.067</b>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	72.557.709.057		102.762.325.369
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	174.863.590.718		180.819.302.205
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	169.942.699.077		137.192.342.355
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	56.255.277.905		45.945.277.905
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	53.435.532.382		59.715.023.233
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	658.355.000		655.355.000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	100.000.000		100.000.000
...			
<b>b) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.722.146.150</b>		<b>5.631.024.450</b>
- Cty TNHH Tư Vấn Phát Triển Xây Dựng Minh Đạt	850.000.000		850.000.000
- Cty TNHH thiết kế KT XD QLDA Sáng Tạo Mới	528.185.000		528.185.000
- Công ty TNHH TV Khảo Sát Thiết Kế E.L.E	-		1.026.000.000
- Cty CP Kim Sơn Hải	820.000.000		820.000.000
- Công ty CP Xây Lắp Điện Chiếu Sáng	-		1.877.878.300
- Khác	523.961.150		528.961.150
<b>c/ Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>169.250.413.140</b>		<b>181.108.101.513</b>
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (hỗ trợ vốn)	168.605.413.140		180.748.101.513
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (hỗ trợ vốn)	-		360.000.000
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên - (hỗ trợ vốn)	645.000.000		-
<b>d) Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>269.425.250.000</b>		<b>269.425.250.000</b>
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	231.425.250.000		231.425.250.000
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	38.000.000.000		38.000.000.000
<b>Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>206.605.413.140</b>		<b>219.108.101.513</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (hỗ trợ vốn)	168.605.413.140		180.748.101.513
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (hỗ trợ vốn)	-		360.000.000
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	38.000.000.000		38.000.000.000
...			
<b>e) Phải thu dài hạn khác;</b>	<b>70.771.708.186</b>		<b>60.881.492.988</b>
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (lãi cho vay phải thu)	64.951.210.674		55.060.995.476
- Đặt cọc tiền mua phần vốn góp trong Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu cho Cty CP TM Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512		5.820.497.512
<b>Cộng</b>	<b>1.405.372.404.181</b>		<b>1.337.135.978.586</b>

6. Nợ xấu	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
Cty CP Kim Sơn Hải - phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	820.000.000	-	820.000.000
Khách hàng khác - phải thu từ thi công công trình	2.052.932.346	515.426.126	1.537.506.220	2.052.932.346	515.426.126	1.537.506.220
Cty Sáng Tạo Mới - chi phí cung cấp và lắp đặt cửa gỗ	528.185.000	-	528.185.000	528.185.000	-	528.185.000
Cty Phan Việt - gói thầu Hệ thống xử lý nước thải	352.270.000	-	352.270.000	352.270.000	-	352.270.000
Khách hàng khác - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	887.668.397	-	887.668.397	887.668.397	-	887.668.397
Trần Thị Ngọc Hân - chuyển nhượng bán căn hộ	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Cty TNHH MTV Cơ Khí Điện Lữ Gia - phải thu nhận bàn giao	283.640.353	-	283.640.353	283.640.353	-	283.640.353
Ban quản lý dự án - phải thu tiền đồng hồ nước	52.523.488	-	52.523.488	52.523.488	-	52.523.488
Huỳnh Đăng Hồ - tiền đặt cọc thuê VP	60.000.000	-	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000
Khách hàng khác - Lệ phí tòa án	12.217.526	-	12.217.526	12.217.526	-	12.217.526
DNTN TM Hoàng Phi - tiền thuê mặt bằng ADV	95.000.000	-	95.000.000	95.000.000	-	95.000.000
+ Lê Thị Kim Cúc - tạm ứng chi hoạt động VP	19.924.000	-	19.924.000	19.924.000	-	19.924.000
Khách hàng khác - phải thu từ ứng trước tiền hàng	37.870.000	-	37.870.000	37.870.000	-	37.870.000
Cty CP Trường Sang - CP Phòng chống mối Cao ốc LG	31.131.750	-	31.131.750	31.131.750	-	31.131.750
Cty TNHH ứng dụng & PT công nghệ môi trường A.T.E - hệ thống xử lý nước thải	82.889.400	-	82.889.400	82.889.400	-	82.889.400
Ban QLDA Công trình Giao thông Long An- Thi công công trình	1.816.000	544.800	1.271.200	1.816.000	544.800	1.271.200
Cty TNHH Bảo hiểm Liberty - Thi công công trình	25.203.265	-	25.203.265	25.203.265	-	25.203.265
Cty TNHH MTV Cầu Quyết Tiến - Thi công công trình	53.256.500	15.976.950	37.279.550	53.256.500	15.976.950	37.279.550
CT Cầu Rạch Chiếc Bên Phải Tuyến - Thi công công trình	319.297	-	319.297	319.297	-	319.297
Công Trình HTCS Lan Can Cầu Thủ Thiêm - Thi công công trình	25.030.127	-	25.030.127	25.030.127	-	25.030.127

Cty TNHH TM DV Điện Gia Hân - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	100.000.000	30.000.000	70.000.000	100.000.000	30.000.000	70.000.000
Cty TNHH MTV Xây Dựng Lộc Mai - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	17.987.200	-	17.987.200	17.987.200	-	17.987.200
...						
<b>Cộng</b>	<b>5.639.864.649</b>	<b>561.947.876</b>	<b>5.077.916.773</b>	<b>5.639.864.649</b>	<b>561.947.876</b>	<b>5.077.916.773</b>

7. Hàng tồn kho:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	-	-	32.650.364	(32.650.364)
- Công cụ, dụng cụ;	-	-	1.456.000	(1.456.000)
- Thành phẩm;	-	-	528.730.757	(528.730.757)
- Hàng hóa;	111.300.000	-	176.070.451	(64.770.451)
- Chi phí SXKD dở dang - Căn hộ 70 Lữ Gia	82.197.295	-	82.197.295	-
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận duy tu, bảo dưỡng CT	-	-	99.398.295	-
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận xây dựng	7.771.216.711	-	18.075.037.253	-
- Chi phí đầu tư các dự án BOT chưa khai thác	38.344.904.768	-	46.040.659.243	-
...				
<i>Trong đó, Chi phí đầu tư các dự án BOT các bên liên quan</i>				
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CI)	21.856.165.454	-	18.559.427.055	-
...				
<b>Cộng</b>	<b>46.309.618.774</b>	<b>-</b>	<b>65.036.199.658</b>	<b>(627.607.572)</b>

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn				
- Công trình: Cao ốc CC-TM-DV LUGIACO	663.950.204	-	663.950.204	-
- Công trình: Dự án XD nhà ở 477-479 An Dương Vương	727.272.727	-	727.272.727	-
...				
<b>Cộng</b>	<b>1.391.222.931</b>	<b>-</b>	<b>1.391.222.931</b>	<b>-</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	854.759.656	-	2.257.284.915	-	-	3.112.044.571
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD:CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	854.759.656	-	2.257.284.915	-	-	3.112.044.571
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	427.574.354	-	516.157.728	-	-	943.732.082
- Khấu hao trong năm	42.902.328	-	146.154.618	-	-	189.056.946
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	470.476.682	-	662.312.346	-	-	1.132.789.028
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	427.185.302	-	1.741.127.187	-	-	2.168.312.489
- Tại ngày cuối năm	<b>384.282.974</b>	-	<b>1.594.972.569</b>	-	-	<b>1.979.255.543</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm				50.000.000		50.000.000
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				50.000.000		50.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm				40.008.023		40.008.023
- Khấu hao trong năm				2.500.002		2.500.002
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				42.508.025		42.508.025
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm				9.991.977		9.991.977
- Tại ngày cuối năm				7.491.975		7.491.975

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.153.343.194</b>	<b>2.132.805.125</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	32.510.270	86.204.191
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.120.832.924	2.046.600.934
<b>Cộng</b>	<b>1.153.343.194</b>	<b>2.132.805.125</b>

15. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	848.559.130.000	848.559.130.000	-	50.477.000.000	899.036.130.000	899.036.130.000
...	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng Vay ngắn hạn</b>	<b>848.559.130.000</b>	<b>848.559.130.000</b>	<b>-</b>	<b>50.477.000.000</b>	<b>899.036.130.000</b>	<b>899.036.130.000</b>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	121.051.100.000	121.051.100.000	121.051.100.000	256.137.600.000	256.137.600.000	256.137.600.000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	380.017.568.925	380.017.568.925	-	10.529.000.000	390.546.568.925	390.546.568.925
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - CN TP.HCM	94.317.100.000	94.317.100.000	-	105.305.500.000	199.622.600.000	199.622.600.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	-	-	35.750.000.000	35.750.000.000	35.750.000.000
...						
<b>Cộng Vay dài hạn</b>	<b>474.334.668.925</b>	<b>474.334.668.925</b>	<b>-</b>	<b>151.584.500.000</b>	<b>625.919.168.925</b>	<b>625.919.168.925</b>
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(121.051.100.000)	(121.051.100.000)	(121.051.100.000)	(256.137.600.000)	(256.137.600.000)	(256.137.600.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.322.893.798.925</b>	<b>1.322.893.798.925</b>	<b>-</b>	<b>202.061.500.000</b>	<b>1.524.955.298.925</b>	<b>1.524.955.298.925</b>

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Trong vòng 01 năm	121.051.100.000	256.137.600.000
Trong năm thứ hai	37.755.000.000	29.732.000.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm	296.409.568.925	263.221.568.925
Sau 5 năm	19.119.000.000	76.828.000.000
<b>Cộng</b>	<b>474.334.668.925</b>	<b>625.919.168.925</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(121.051.100.000)	(256.137.600.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>353.283.568.925</b>	<b>369.781.568.925</b>

16. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.290.190.605</b>	<b>2.290.190.605</b>	<b>7.065.856.217</b>	<b>7.065.856.217</b>
- Công Ty CP Xây lắp & Vật Tư Xây Dựng (CBM)	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Cty TNHH Tân Thành Tâm	180.272.259	180.272.259	180.272.259	180.272.259
- Công Ty CP TM XD Kỹ Thuật Thiên Thành	957.674.400	957.674.400	1.360.174.200	1.360.174.200
- Công Ty TNHH XD Kiên An	-	-	416.935.242	416.935.242
- Công ty CP Điện Chiếu Sáng Thiên Minh	-	-	673.750.000	673.750.000
- Cty CP Dây & Cáp Điện Kiến Đăng	-	-	733.243.192	733.243.192
- Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	546.480.000	546.480.000	720.970.800	720.970.800
- Cty TNHH Đại Dương Xanh	163.327.842	163.327.842		
- Phải trả cho các đối tượng khác	342.436.104	342.436.104	2.880.510.524	2.880.510.524

b) Phải trả người bán là các bên liên quan	5.824.845.630	5.824.845.630	12.831.751.289	12.831.751.289
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	5.624.604.460	5.624.604.460	12.603.932.389	12.603.932.389
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	200.241.170	200.241.170	227.818.900	227.818.900
...				
<b>cộng</b>	<b>8.115.036.235</b>	<b>8.115.036.235</b>	<b>19.897.607.506</b>	<b>19.897.607.506</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>	<b>109.331.311</b>	<b>334.606.800</b>	<b>421.649.221</b>	<b>22.288.890</b>
- Thuế TNCN	109.331.311	330.606.800	417.649.221	22.288.890
- Thuế môn bài		4.000.000	4.000.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>1.615.260.474</b>	<b>46.585.167</b>	-	<b>1.568.675.307</b>
- Thuế TNDN nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
- Tiền thuế đất nộp thừa tại 345-347ADV theo thông báo số 452/TB-CCT-TBA ngày 28/05/14	437.828.919	46.585.167		391.243.752
...				

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.754.499.598</b>	<b>5.946.666.183</b>
- Các khoản trích trước khác;	92.500.000	165.833.333
- Chi phí lãi vay	4.661.999.598	5.780.832.850
<b>Cộng</b>	<b>4.754.499.598</b>	<b>5.946.666.183</b>

19. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>296.271.406.676</b>	<b>49.157.375.863</b>
- Kinh phí công đoàn;	-	3.762.000
- Phải trả người lao động	-	227.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	296.271.406.676	48.926.213.863
+ Công ty Cấp thoát nước TP	451.242.467	451.242.467
+ Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	153.213.525.029	22.797.737.415
+ Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	43.595.959.983	23.266.554.784
+ Khoản thu hộ: Tiền phụ cấp HĐTV	3.000.000.000	2.400.000.000
+ Phải trả Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	96.000.000.000	
+ Phải trả khác	10.679.197	10.679.197
<b>b) Dài hạn</b>	-	<b>252.220.500</b>
+ Công ty CP TIKI - Ký quỹ thuê MB	-	252.220.500
<b>Trong đó, phải trả các bên liên quan</b>	<b>196.809.485.012</b>	<b>46.064.292.199</b>
+ Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	43.595.959.983	23.266.554.784
+ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	153.213.525.029	22.797.737.415

...		
<b>c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>6.712.089.378</b>	<b>8.802.866.142</b>
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	35.550.000	35.550.000
- Cty CP BOT Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1.200.000.000	1.200.000.000
- Khu QLGTĐT số 1	-	1.161.925.269
- Khu QLGTĐT số 3	3.236.386.150	3.069.805.150
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	1.371.997.135	2.367.029.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	868.156.093	968.556.723
<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn các bên liên quan</b>	<b>35.550.000</b>	<b>35.550.000</b>
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	35.550.000	35.550.000

20. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>246.199.004</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (thuê VP)	-	246.199.004

**25. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng	
A	1	2	3	4	5	6	8	7		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>					<b>34.626.496.378</b>	<b>236.972.785.818</b>	<b>2.203.804.680.292</b>	
- Tăng vốn trong năm trước										
- Lãi trong năm trước										
- Chi cổ tức										
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm trước										
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước										
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2016							10.234.014.000			
- Giảm vốn trong năm trước										
...										
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>					<b>44.860.510.378</b>	<b>243.899.703.274</b>	<b>2.220.965.611.748</b>	
- Tăng vốn trong năm nay										
- Lãi trong năm nay										
- Mua Cổ phiếu Phát hành thêm										
- Bán Cổ phiếu quỹ										
- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ										
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm nay										
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay										
- Lỗ trong năm nay										
- Chi cổ tức										
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2017										
- Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu										
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>					<b>44.860.510.378</b>	<b>283.580.407.491</b>	<b>2.260.646.315.965</b>	



25. Vốn chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Vốn góp của Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	54,31%	1.047.379.120.000	944.993.420.000
- Vốn góp của MPTC (Philippin)	44,94%	866.666.660.000	866.666.660.000
- Vốn góp của đối tượng khác	0,75%	14.501.870.000	116.887.570.000
...			
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
+ Vốn góp tăng trong năm		-	-
+ Vốn góp giảm trong năm		-	-
+ Vốn góp cuối năm		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	239.139.908.600
...			
<b>d) Cổ phiếu</b>		Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		192.854.765	192.854.765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông		192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông		192.854.765	192.854.765
...			
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển;		45.668.135.824	46.352.885.824
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;		44.860.510.378	44.860.510.378
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		807.625.446	1.492.375.446

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>Doanh thu</b>	<b>21.945.327.808</b>	<b>29.499.679.798</b>
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, duy tu;	19.536.412.604	27.254.064.270
- Doanh thu dịch vụ tư vấn về thu phí giao thông	2.113.469.204	1.945.452.968
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê VP, mặt bằng;	295.446.000	300.162.560
...		
<b>Trong đó Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>2.408.915.204</b>	<b>7.815.602.494</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	295.446.000	295.446.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	5.574.703.526
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	2.113.469.204	1.945.452.968
...		
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
- Giảm giá hàng bán;	419.779.847	-
...		
<b>Cộng</b>	<b>419.779.847</b>	<b>-</b>
...		
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
<b>Giá vốn của hàng hóa đã bán;</b>	<b>20.112.625.585</b>	<b>27.256.165.164</b>
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	19.9/6.126.166	27.020.144.472
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	136.499.419	236.020.692
...		

<i>Trong đó Giá vốn đối với các bên liên quan</i>	918.952.030	5.810.724.218
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	136.499.419	236.020.692
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	782.452.611	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	5.574.703.526
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.777.584.116	21.680.322.952
- Lãi phát sinh từ HĐ hợp tác đầu tư DA cao tốc TLMT (Hoàng An- Yên Khánh)	24.655.479.853	-
- Lãi phát sinh từ dự án góp vốn đầu tư (đầu tư Cầu Rạch Chiếc)	-	8.316.929.186
- Lợi nhuận được chia	62.810.893.273	68.454.863.848
- Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	39.599	-
<b>Cộng</b>	<b>110.243.996.841</b>	<b>98.452.115.986</b>
<i>Trong đó Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	9.620.021.167	19.504.739.757
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	32.750.356.722	26.742.827.831
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	-	34.965.326.400
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	11.720.509.149	-
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	5.500.000	6.746.709.617
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	20.212.371.846	-
<b>Cộng</b>	<b>74.308.758.884</b>	<b>87.959.603.605</b>
...	-	-
<b>5. Chi phí tài chính</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Chi phí lãi vay;	69.045.020.503	45.679.994.413
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	-	37.723
- Giảm vốn điều lệ Cty Cầu SG	-	15.462.541.632
<b>Cộng</b>	<b>69.045.020.503</b>	<b>61.142.573.768</b>
<i>Trong đó Chi phí tài chính đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	29.600.587.452	5.948.193.016
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	15.462.541.632
<b>Cộng</b>	<b>29.600.587.452</b>	<b>21.410.734.648</b>
...	-	-
<b>6. Thu nhập khác</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Thu nhập từ cho thuê xe	240.000.000	160.000.000
- Các khoản khác.	562.158.462	-
...	-	-
<b>Cộng</b>	<b>802.158.462</b>	<b>160.000.000</b>
<i>Trong đó Thu nhập khác đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	240.000.000	160.000.000
...	-	-
<b>Cộng</b>	<b>240.000.000</b>	<b>160.000.000</b>
...	-	-
<b>7. Chi phí khác</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Chi phí cho thuê tài sản	193.694.019	127.494.953
- Các khoản khác.	-	-
<b>Cộng</b>	<b>193.694.019</b>	<b>127.494.953</b>
<i>Trong đó Chi phí khác đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	193.694.019	-
...	-	-
<b>Cộng</b>	<b>193.694.019</b>	<b>-</b>

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.473.958.940</b>	<b>3.388.864.943</b>
- Chi phí lương nhân viên	1.581.551.749	1.830.268.703
- Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	160.007.672	104.802.696
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.944.390	82.944.390
- Chi phí thuê văn phòng	297.000.000	253.500.000
- Chi phí tiếp khách	194.716.182	183.803.161
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	-	-
- Các khoản chi phí QLDN khác.	1.157.738.947	933.545.993
	-	-
<b>Trong đó Chi phí QLDN đối với các bên liên quan</b>	<b>365.086.636</b>	<b>289.746.264</b>
- Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	365.086.636	289.746.264
	-	-
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>65.700.000</b>	<b>183.234.500</b>
- Phí bảo lãnh công trình	-	176.157.580
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	65.700.000	7.076.920
	-	-
<b>Trong đó Chi phí chi phí bán hàng các bên liên quan</b>	<b>65.700.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	65.700.000	-
	-	-
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		
- Chi phí nhân công;	1.664.279.480	2.816.458.039
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	191.556.948	169.863.570
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	10.065.377.128	37.137.929.381
- Chi phí khác bằng tiền.	1.357.187.483	1.046.855.784
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.278.401.039</b>	<b>41.171.106.774</b>
	-	-
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
....	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	-	-
<b>VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng		
<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	259.000.000.000
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.	-	36.250.000.000
...	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>295.250.000.000</b>
	-	-
<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	151.584.500.000	99.150.400.000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	50.477.000.000	-
...	-	-
<b>Cộng</b>	<b>202.061.500.000</b>	<b>99.150.400.000</b>

10/1 - C N - 4 / 4/1

## IX. Những thông tin khác

## 3. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).

## a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIH)</b>		
- Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	-	36.250.000.000
- Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	50.477.000.000	
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn +Lãi tiền Hợp tác đầu tư	32.897.325.852	9.244.931.416
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	-	100.548.395.520
- Thanh toán cổ tức		100.548.395.520
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	118.545.000.000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	12.142.688.373	212.354.835.291
- Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	9.620.021.167	11.187.810.571
- Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	9.091.513.002	13.245.164.709
- GN hoàn vốn góp đầu tư Q.2/17 theo HĐ ngày 01/10/2014 (V/v: XD cầu Rạch Chiểu)		19.634.486.624
- Lãi (lỗ) phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiểu	-	8.316.929.186
- Doanh thu tiền thuê mặt bằng	295.446.000	295.446.000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	324.990.000
- Chuyển nhượng công ty con		78.000.000.000
<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Chi phí thuê văn phòng	365.086.636	289.746.264
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	429.173.030	318.720.890
...		
<b>Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Chi phí thi công công trình & hàng hóa	848.152.611	24.268.208.837
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	8.238.166.597	25.529.784.843
- Thu tiền và cần trừ nợ bán hàng hóa	1.830.943.576	
- Thanh toán và cần trừ nợ thi công công trình, hàng hóa	15.217.494.526	37.796.390.662
...		
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Doanh thu thi công công trình	-	5.574.703.526
- Thu tiền thi công công trình	-	7.731.569.482
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	32.750.356.722	26.742.827.831
<b>Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	-	34.965.326.400
- Thu tiền cổ tức được chia	17.302.827.614	
<b>Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	20.329.405.199	17.342.007.900
- Góp vốn trong năm		163.000.000.000
- Doanh thu dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	2.113.469.204	1.945.452.968
Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	2.099.028.407	1.604.138.749
<b>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	11.720.509.149	
- Thu tiền cổ tức được chia	18.000.000.000	20.000.000.000

<b>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	18.340.027.402	
- Thu tiền cổ tức được chia	24.400.000.000	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	1.768.083.333	
<b>Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	-	6.746.709.617
- Cho vay hỗ trợ vốn	11.000.000.000	
- Thu tiền lãi vay	5.500.000	
- Thu tiền cổ tức được chia	-	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	11.000.000.000	
- Phải thu tiền góp vốn	10.310.000.000	
...		
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Thu nhập từ cho thuê xe	240.000.000	160.000.000
- Thu tiền bán hàng	264.000.000	176.000.000
...		
<b>Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII</b>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Phải thu khoản tạm mượn	3.000.000	71.500.000
- Góp vốn trong kỳ		96.000.000.000
- Cho vay hỗ trợ vốn	140.000.000	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	500.000.000	
<b>b - Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:</b>		
<b>Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải trả gốc hỗ trợ vốn	848.559.130.000	899.036.130.000
- Phải thu tiền thuê kho	78.791.541	324.990.000
- Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án Cầu rạch Chiếc	70.909.122.796	101.642.247.273
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	168.605.413.140	180.748.101.513
- Doanh thu chưa thực hiện	246.198.459	246.199.004
<b>Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&amp;C)</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Ứng trước giá trị thi công công trình	35.550.000	35.550.000
...		
<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải trả chi phí thuê văn phòng	200.241.170	227.818.900
- Ứng trước tiền thuê VP	-	-
<b>Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	5.624.604.460	12.603.932.389
- Phải thu giá trị thi công công trình	-	1.830.943.576
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	169.942.699.077	137.192.342.355
- Phải thu giá trị thi công công trình	431.312.458	431.312.458
...		
<b>Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu giá trị thi công công trình	506.390.065	506.390.065
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	153.213.525.029	22.797.737.415

Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	43.595.959.983	23.266.554.784
- Phải thu tiền tư vấn QLDA của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1.290.345.194	1.064.557.476
- Phải thu tiền phụ cấp HDTV của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100.000.000	100.000.000

Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	53.435.532.382	59.715.023.233

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	174.553.257.385	180.613.229.983
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	38.000.000.000	38.000.000.000
- Phải thu lãi tiền cho vay hỗ trợ vốn	310.333.333	206.072.222

Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	45.945.277.905	45.945.277.905
- Phải thu tiền góp vốn	10.310.000.000	-

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu khoản tạm mượn	658.355.000	655.355.000
- Cho vay ngắn hạn	-	360.000.000

#### 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Chỉ tiêu	Công trình thi công, duy tu	DV cho thuê mặt bằng+ tư vấn	Cộng
<b>Doanh thu</b>			
DT thuần về bán hàng và cung cấp DV	19.116.632.757	2.408.915.204	21.525.547.961
<b>Giá vốn</b>			
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19.976.126.166	136.499.419	20.112.625.585
<b>Lợi nhuận gộp</b>	(859.493.409)	2.272.415.785	1.412.922.376
Doanh thu hoạt động tài chính	-		110.243.996.841
Chi phí tài chính			69.045.020.503
Chi phí bán hàng			65.700.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp			3.473.958.940
Thu nhập khác			802.158.462
Chi phí khác			193.694.019
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>			39.680.704.217

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục: .....

7. Những thông tin khác: .....

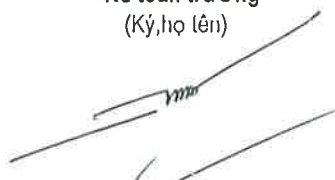
Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong kỳ như sau	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lương và thưởng	1.697.273.962	1.610.113.762

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 27 tháng 7 năm 2018  
Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Phạm Thế Chính